

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị
T với anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Thúy, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Thuận, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Thái Ngọc N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Điền, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh N chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống lâu dài với nhau được nữa, vợ chồng đã ly thân hơn 08 tháng. Nay tình cảm không còn chị xin được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Ngọc Lợi, sinh năm 1997, đã thành Nên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Thái Phát Tài, sinh năm 2005, hiện cháu Tài đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tài và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tài, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án không ban hành quyết định gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử là không đảm bảo quy định pháp luật. Kiến nghị khắc phục. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh N Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Tvà anh N kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị đã ly thân, Tòa án nhiều lần mở các phiên hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vắng mặt không lý do, thể hiện anh N không còn quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên chị Tyêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thúy.

- Về nuôi con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Thái Ngọc Lợi, sinh năm 1997, đã thành Nên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét. Đối với cháu Thái Phát Tài, sinh năm 2005, hiện cháu đang do chị Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Tyêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tài và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét từ khi ly thân cho đến nay cháu Tài do chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng, chị Tyêu cầu được tiếp tục nuôi cháu và cháu Tài có nguyện vọng được sống chung với chị Thúy, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu tài cho chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân chị Thúy; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Bản nguyện vọng của cháu Tài; biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị T và anh N đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 193, ngày 13/12/2013. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp anh chị ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không lý do. Thời gian ly thân là thời gian để vợ chồng suy ngẫm và hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh chị đã không hàn gắn được. Cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thúy.

[2.2] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Thái Ngọc Lợi, sinh năm 1997, đã thành Nền, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Thái Phát Tài, sinh năm 2005, hiện cháu đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tài và không yêu cầu anh N

cấp dưỡng nuôi con. Xét từ khi ly thân cho đến nay cháu Tài do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tyêu cầu được tiếp tục nuôi cháu và cháu Tài có nguyện vọng được sống chung với chị Thúy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tài cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh Thái Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn anh Thái Ngọc N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 01, ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

- Đối với con chung tên Thái Ngọc Lợi, sinh năm 1997, đã thành Nên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Giao cháu Thái Phát Tài, sinh năm 2005 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Thái Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được

quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tkhông yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tđã nộp theo biên lai thu số: 0005207 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã BP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chào Nguyễn Ngọc Đây

Lê Thị Hồng Thi

